

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 07-3-2025
“v/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ .

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Văn Truyện.

2/ Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 17/02/2025 và ngày 07/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2024/QĐST-DS ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số F, Quốc lộ F, Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A, đường T - T, Khu phố B, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2024 và đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/02/2025 những lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Ngày 10/3/2023, bà có cho bà Nguyễn Thị Phương D vay 02 lần tiền vốn xoay vòng, cụ thể: Lần thứ 01: Bà cho vay số tiền 18.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương D có viết biên nhận cho bà và hẹn trả trong vòng 09 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho bà, thời gian bắt đầu từ ngày 10/4/2023 âm lịch; Lần thứ 02 cùng ngày: Bà cho vay số tiền 18.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương D có viết biên nhận cho bà và hẹn trả trong vòng 09 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho bà, thời gian bắt đầu từ ngày 10/4/2023 âm lịch. Mục đích vay bà D trình bày với bà là vay để lấy vốn làm ăn, vay không thỏa thuận lãi suất. Sau đó, bà có liên hệ bà D nhiều lần nhưng bà D cố tình lảng tránh không thanh toán cho bà số tiền trên. Bà yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán số tiền của 02 lần vay trên là 18.000.000 đồng

+ 18.000.000 đồng = 36.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày 05/9/2024 lãi suất 03%/tháng là 36.000.000 đồng x 03%/tháng x 16 tháng 25 ngày tổng số tiền là 54.180.000 đồng và kể từ ngày 05/9/2024 đến ngày 17/02/2025 yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,6%/tháng.

Tại đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện bà H cụ thể bà trình bày như sau:

Khoản thứ 01: Bà có làm chủ thảo 01 dây hụi khai ngày 10/02/2023, mỗi tháng khai 1 lần, hụi 2.000.000 đồng, có 12 hụi viên tham gia, bà D tham gia 01 phần, bà D hốt kỳ thứ 3, sau giao hụi thì bà D có ký biên nhận mượn tiền góp vốn xoay vòng ngày 17/02/2025 số tiền 18.000.000 đồng và hẹn trả trong vòng 09 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho bà, thời gian bắt đầu từ ngày 10/4/2023 âm lịch. Biên nhận trên thực chất là biên nhận hụi không phải biên nhận vay tiền.

Khoản thứ 02 cùng ngày 17/02/2025, bà tiếp tục cho bà D vay số tiền 18.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương D có viết biên nhận cho bà và hẹn trả trong vòng 09 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho bà, thời gian bắt đầu từ ngày 10/4/2023 âm lịch. Mục đích vay bà D trình bày với bà là vay để lấy vốn làm ăn, vay không thỏa thuận lãi suất. Nay bà thay đổi yêu cầu như sau: Bà yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi là 18.000.000 đồng + 18.000.000 đồng tiền vay, cũng lãi suất trên số tiền vay là 01 năm 10 tháng 25 ngày x 0.83%/tháng 3.411.000 đồng. Tổng cộng là 39.411.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Bà yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng là 39.411.000 đồng, trong đó số tiền hụi là 18.000.000 đồng + 18.000.000 đồng tiền vay, cũng lãi suất trên số tiền vay là 01 năm 10 tháng 25 ngày x 0.83%/tháng 3.411.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày trong hồ sơ cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyết giải quyết vụ án: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A, đường T - T, Khu phố B, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 18.000.000 đồng gốc và lãi suất + 18.000.000 đồng tiền góp hụi nên được xác định quan hệ pháp luật dân sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, thẩm quyền do Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý vụ án và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471, 463 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] **Về quyền và phạm vi khởi kiện:** Trước đây nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 02 khoản là 38.000.000 đồng tiền gốc và lãi 03%/tháng là 36.000.000 đồng x 03%/tháng x 16 tháng 25 ngày tổng số tiền là 54.180.000 đồng kể từ ngày 05/9/2024 đến ngày 17/02/2025 lãi suất 1,6%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng là 39.411.000 đồng, trong đó số tiền hui là 18.000.000 đồng + 18.000.000 đồng tiền vay, cũng lãi suất trên số tiền vay là 01 năm 10 tháng 25 ngày x 0.83%/tháng 3.411.000 đồng. Tòa án đã ra thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nên xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của đương sự quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng góp hui: Bà H có làm chủ thảo 01 dây hui khai ngày 10/02/2023, mỗi tháng khai 1 lần, hui 2.000.000 đồng, có 12 hui viên tham gia, bà D tham gia 01 phần, bà D hót kỳ thứ 3 bà H đã giao hui cho bà D nhưng các bên thỏa thuận ký thành biên nhận mượn tiền góp vốn xoay vòng ngày 17/02/2025 số tiền 18.000.000 đồng. Tại bản chính biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp bà Nguyễn Thị Phương D ký tại mục “Người mượn” nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên xác định bà H đã giao đủ số tiền hót hui cho bà D nhưng đến nay hui đã mãn nhưng bà D không đóng hui chết cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó đủ cơ sở xác định hợp đồng trên là hợp pháp từ đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi giao kết được quy định tại các Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về nội dung hợp đồng vay tài sản: Bà H yêu cầu bà D có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vay gốc là 18.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo bản chính biên nhận ngày 10/3/2023 do bà H cung cấp. Hội đồng xét xử xác định khi giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà D là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung không trái quy định của pháp luật, tại bản chính biên nhận ngày 10/3/2023 đã thể hiện đầy đủ ký và chữ viết của bà D tại mục “Người mượn” nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ cơ sở xác định hợp đồng trên là hợp pháp từ đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi giao kết được quy định tại các Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn vắng mặt **không có lý do, không có lời trình bày trong hồ sơ cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ** nhưng đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiện bà D đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của H nên được xác định bà D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình về yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.4] Về mức lãi suất: Do các bên không có thỏa thuận lãi suất trong các biên nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 440, 357 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính là 0,83%/tháng (tương ứng là 10%/năm). Do đó bà H yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay gốc 18.000.000 đồng tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày 07/3/2025 $\times 0.83\%/tháng \times 01$ năm 10 tháng 25 ngày = 3.411.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 39.411.000 đồng, trong đó số tiền hui là 18.000.000 đồng, số tiền vay gốc và lãi là 21.411.000 đồng.

[2.6] Về án phí: Buộc bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận sung vào công quỹ nhà nước Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 228, 244, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 117, 278, 430, 463, 466, 468 471 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị Phương D về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải có trách nhiệm trả tổng số tiền 39.411.000 đồng, trong đó số tiền hui là 18.000.000 đồng, số tiền vay gốc và lãi là 21.411.000 đồng cho bà Lê Thị H.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 1.971.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 1.355.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002667 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kiến Tường.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thuận – Phan Văn Truỵện

Vũ Thị Lệ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Lệ

